

PHỤ LỤC 02
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC

(Kèm theo Quyết định số /UBND-UBND, ngày /4/2026 của UBND phường Tích Lương)

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Định mức (Số lượng tối đa) | Ghi chú |
|----------|---|-------------|----------------------------|---|
| A | Thiết bị đã có danh mục thiết bị dạy học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành | | | |
| | Thiết bị dạy học tối thiểu | | | Thực hiện theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở, Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học |
| B | Thiết bị không có trong danh mục thiết bị dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo | | | |
| I | Thiết bị cho khối Hành chính quản trị | | | |
| 1 | Phòng Hiệu trưởng | | | |
| | Bộ bàn ghế làm việc | Bộ | 01/phòng | |
| | Tủ để tài liệu | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy tính để bàn hoặc xách tay | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy in | Bộ | 01/phòng | |
| | Bộ bàn ghế tiếp khách | Bộ | 01/phòng | |
| | Điều hòa nhiệt độ | Chiếc | 01/phòng | |
| | Cây nước nóng lạnh (hoặc bình đun nước nóng tự động) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Quạt | Chiếc | 01/phòng | |
| 2 | Phòng phó Hiệu trưởng | | | |
| | Bộ bàn ghế làm việc | Bộ | 01/phòng | |
| | Tủ để tài liệu | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy tính để bàn hoặc xách tay | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy in | Bộ | 01/phòng | |
| | Bộ bàn ghế tiếp khách | Bộ | 01/phòng | |
| | Điều hòa nhiệt độ | Chiếc | 01/phòng | |
| | Cây nước nóng lạnh (hoặc bình đun nước nóng tự động) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Quạt | Chiếc | 01/phòng | |
| 3 | Văn phòng trường | | | |
| | Bộ phận văn thư - văn phòng | | | |
| | Bộ bàn ghế làm việc | Bộ | 01/phòng | |
| | Giá để công văn | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ để tài liệu | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy tính để bàn hoặc xách tay | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy in | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy scan | Chiếc | 01/trường | |
| | Điều hòa nhiệt độ | Chiếc | 01/trường | |
| | Quạt | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy hủy tài liệu | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy Photo | Chiếc | 01/trường | |
| | Bộ phận Kế toán - Thủ quỹ | | | |
| | Bộ bàn ghế làm việc | Bộ | 01/trường | |
| | Giá để công văn | Chiếc | 01/trường | |

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Định mức (Số lượng tối đa) | Ghi chú |
|-----------|---|-------------|--|---------|
| | Tủ để tài liệu | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy tính để bàn hoặc xách tay | Bộ | 01/trường | |
| | Máy in | Bộ | 01/trường | |
| | Máy scan | Chiếc | 01/trường | |
| | Kết sắt | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy hủy tài liệu | Chiếc | 01/trường | |
| | Điều hòa nhiệt độ | Chiếc | 01/trường | |
| | Quạt | Chiếc | 01/trường | |
| 4 | Phòng thường trực, bảo vệ | | | |
| | Ti vi (màn hình theo dõi an ninh) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bàn, ghế | Bộ | 01/phòng | |
| | Giường | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ đựng đồ dùng | Chiếc | 01/phòng | |
| | Camera giám sát an ninh | Hệ thống | 01/trường | |
| 5 | Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên | | | |
| | Chậu tiêu đối với nam | Chậu | 01/15 người | |
| | Chậu xí | Chậu | 01/15 nữ, 20 nam | |
| | Chậu rửa tay | Chậu | 01/02 chậu xí | |
| | Vòi nước | Chiếc | 01/chậu rửa | |
| | Hệ thống cấp, thoát nước | Hệ thống | 01/trường | |
| | Gương soi | Chiếc | 01/chậu rửa | |
| | Đèn chiếu sáng | | Đủ công suất theo diện tích | |
| | Quạt thông gió (cửa thông thoáng) | Chiếc | 01/nhà vệ sinh | |
| II | Thiết bị cho khối phòng học tập | | | |
| 1 | Phòng học | | | |
| | Phân, chiếu, gối, chăn phục vụ ăn học sinh ở lại ăn bán trú | Bộ | 1 bộ/hs | |
| | Tủ đựng đồ dùng cá nhân bán trú | Chiếc | Đủ chỗ cho học sinh để đồ dùng cá nhân, mỗi học sinh 1 ngăn tủ | |
| | Tủ để đồ dùng, thiết bị của giáo viên | | 01/phòng | |
| | Bàn, ghế giáo viên | Bộ | 01/phòng | |
| | Bàn, ghế học sinh | Bộ | 1 hs/1 chỗ ngồi | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy chiếu, màn chiếu | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy chiếu đa vật thể | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| | Hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng | Bộ | 01/phòng | |
| | Camera | Chiếc | 02/phòng | |
| | Điều hòa nhiệt độ | | Đủ công suất theo diện tích phòng | |
| | Máy soi vật thể | Chiếc | 01/phòng | |
| 2 | Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật | | | |
| | Bàn ghế giáo viên | Bộ | 01/phòng | |
| | Bàn, ghế học sinh | Bộ | 01 chỗ ngồi/hs | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bộ tăng âm loa, đài | Bộ | 01/phòng | |
| | Hệ thống cách âm | Bộ | 01/phòng | |
| | Micro | Bộ | 01/phòng | |
| 3 | Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ | | | |
| | Bàn ghế thí nghiệm giáo viên | Bộ | 01/phòng | |

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Định mức (Số lượng tối đa) | Ghi chú |
|------------|---|-------------|-----------------------------------|---------|
| | Máy in | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bàn thực hành, thí nghiệm | Bộ | 06/phòng | |
| | Ghế ngồi học sinh | Chiếc | 1 hs/1 chỗ ngồi | |
| | Bếp ga (hoặc bếp từ) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ/giá đựng thiết bị, dụng cụ | Chiếc | 04/phòng | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ Y tế | Chiếc | 01/phòng | |
| | Quạt hút phòng thí nghiệm | Chiếc | 03/phòng | |
| | Bàn chuẩn bị thí nghiệm | Chiếc | 01/phòng | |
| | Chậu rửa phòng thí nghiệm | Chiếc | 01/phòng | |
| | Hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng | Bộ | 01/phòng | |
| 4 | Phòng học bộ môn Tin học | | | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng | Bộ | 01/phòng | |
| 5 | Phòng học bộ môn ngoại ngữ | | | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ đựng đồ dùng | Chiếc | 01/phòng | |
| | Phần mềm (bao gồm cả bản quyền) sử dụng cho phòng học ngoại ngữ - của giáo viên | Bộ | 01/phòng | |
| | Phần mềm (bao gồm cả bản quyền) sử dụng cho phòng học ngoại ngữ - của học sinh | Bộ | 01/học sinh | |
| | Hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy tính bàn cho học sinh | Bộ | Tối thiểu 2 HS/ máy | |
| | Tai nghe | Bộ | 01tai nghe /01 hs | |
| | Bàn ghế có vách ngăn | Bộ | 1bộ /1 hs | |
| | Hệ thống cách âm | Bộ | 01/phòng | |
| 6 | Phòng đa chức năng | | | |
| | Bàn, ghế giáo viên | Bộ | 01/phòng | |
| | Bàn, ghế học sinh | Bộ | 1 hs/1 chỗ ngồi | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| | Hệ thống âm thanh hỗ trợ giảng | Bộ | 01/phòng | |
| | Tủ đựng đồ dùng | Chiếc | 1 hs/ 1 ngăn tủ | |
| III | Thiết bị cho khối phòng hỗ trợ học tập | | | |
| 1 | Thư viện | | | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bàn đọc sách | Chiếc | 12/100 m2 mặt bằng | |
| | Ghế đọc sách | Chiếc | 60/100 m2 mặt bằng | |
| | Kệ, giá, tủ sách | m2 | 70/100 m2 mặt bằng | |
| | Tủ đựng hồ sơ | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy in | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy quét, đọc mã vạch | Chiếc | 01/phòng | |
| | Điều hòa nhiệt độ | | Đủ công suất theo diện tích phòng | |
| 2 | Phòng thiết bị giáo dục | | | |
| | Máy hút âm công nghiệp | Chiếc | 02/phòng | |
| | Tủ đựng thiết bị | Chiếc | 10/phòng | |

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Định mức (Số lượng tối đa) | Ghi chú |
|-----------|---|-------------|-----------------------------------|---------|
| | Giá để thiết bị | Chiếc | 10/phòng | |
| 3 | Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập | | | |
| | Bàn họp (6-8 chỗ) | Cái | 01/phòng | |
| | Ghế họp | Cái | 08/phòng | |
| | Bàn, ghế làm việc | Bộ | 01/phòng | |
| | Tủ để tài liệu | Bộ | 01/phòng | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy in | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bảng từ (bảng cố định hoặc bảng trượt) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| 4 | Phòng truyền thống | | | |
| | Tủ trưng bày tư liệu hình ảnh | Bộ | 01/phòng | |
| | Tivi hoặc Màn hình cảm ứng đa điểm (hoặc Bảng tương tác thông minh) có thể kết nối internet | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| | Sa bàn | Chiếc | 01/phòng | |
| 5 | Phòng Đội Thiếu niên | | | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy in | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bàn, ghế làm việc | Bộ | 01/phòng | |
| | Tượng Bác Hồ | Chiếc | 01/phòng | |
| | Giá để trống, cờ | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ đựng tài liệu, trang phục | Chiếc | 02/phòng | |
| | Âm ly, loa (dùng tổ chức các hoạt động Đội) | Chiếc | 01/phòng | |
| IV | Thiết bị cho khối phụ trợ | | | |
| 1 | Phòng họp hội đồng | | | |
| | Điều hòa nhiệt độ | | Đủ công suất theo diện tích phòng | |
| | Bàn, ghế họp hội đồng | Bộ | Đủ chỗ ngồi cho CBQL, GV, NV | |
| | Thiết bị họp trực tuyến | Bộ | 01/phòng | |
| | Hệ thống âm thanh trong nhà | Bộ | 01/phòng | |
| | Bục phát biểu | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bục tượng Bác | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/phòng | |
| | Màn hình hiển thị (Tivi, máy chiếu...) | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy in | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ đựng tài liệu | Chiếc | 02/phòng | |
| | Tivi | Chiếc | 01/phòng | |
| | Phông, rèm, khẩu hiệu | Bộ | 01/phòng | |
| 2 | Phòng Y tế học đường | | | |
| | Điều hòa nhiệt độ | | Đủ công suất theo diện tích phòng | |
| | Quạt mát | Chiếc | 02/phòng | |
| | Máy vi tính (để bàn hoặc xách tay) | Chiếc | 01/phòng | |
| | Máy in | Chiếc | 01/phòng | |
| | Tủ đựng tài liệu | Bộ | 01/phòng | |
| | Tủ thuốc | Bộ | 01/phòng | |
| | Tủ đựng đồ dùng | Chiếc | 01/phòng | |
| | Bàn ghế làm việc (01 bàn + 01 ghế) | Bộ | 01/phòng | |
| | Bàn ghế khám bệnh (01 bàn + 03 ghế) | Bộ | 01/phòng | |
| | Máy đo nhịp tim, huyết áp, đo nhiệt độ | Chiếc | 01/phòng | |
| | Cân y tế | Chiếc | 01/phòng | |
| | Óng nghe y tế | Chiếc | 01/phòng | |

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Định mức (Số lượng tối đa) | Ghi chú |
|-----------|--|-------------|----------------------------|------------------------------------|
| | Thiết bị đo chiều cao | Chiếc | 01/phòng | |
| 3 | Nhà kho | | | |
| | Tủ đựng thiết bị | Chiếc | 02/nhà | |
| | Giá để thiết bị | Chiếc | 05/nhà | |
| 4 | Nhà đa năng | | | |
| | Bàn ghế đại biểu | Bộ | 10/nhà | |
| | Ghế gấp (có thể gấp gọn và di chuyển) | Chiếc | 300/nhà | |
| | Hệ thống máy chiếu hội trường (hoặc màn hình LED) | Bộ | 01/nhà | |
| | Máy vi tính | Bộ | 01/nhà | |
| | Hệ thống âm thanh hội trường | Bộ | 01/nhà | |
| V | Thiết bị cho khối phục vụ sinh hoạt | | | |
| 1 | Thiết bị, đồ dùng cho nhà ăn, nhà bếp | | | |
| | Tủ sấy bát đĩa | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Tủ đông - Tủ mát | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Tủ lạnh | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Tủ lưu mẫu thức ăn | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Giá để thực phẩm | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Bếp ga công nghiệp | Chiếc | 03/điểmtrường | |
| | Hệ thống cấp gas công nghiệp | Bộ | 01/điểmtrường | |
| | Chạn để thức ăn | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Tủ cơm công nghiệp hoặc Nồi nấu cơm công nghiệp | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Máy lọc nước (lọc nước nấu ăn) | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Máy lọc nước (lọc nước uống) | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Xe đẩy thức ăn | Chiếc | 04/điểmtrường | |
| | Máy tời thức ăn | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Bàn chia thức ăn | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Bàn sơ chế, chế biến thực phẩm | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Bồn rửa bát công nghiệp | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Máy xay thịt | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Máy thái củ quả | Chiếc | 01/điểmtrường | |
| | Tủ inox để bát thìa | Chiếc | 02/điểmtrường | |
| | Hệ thống hút mùi nhà bếp | Bộ | 01/điểmtrường | |
| | Bàn, ghế ăn (quy cách 01 bàn - 6 ghế) | Bộ | 01/6 học sinh | Chỉ tính số học sinh ăn tại nhà ăn |
| | Bộ đồ dùng phục vụ ăn của học sinh (khay ăn, bát đựng canh, đĩa, thìa) | Bộ | 01/1 học sinh | Chỉ tính số học sinh ăn tại nhà ăn |
| 2 | Thiết bị, đồ dùng khu nội trú, bán trú | | | |
| | Giường tầng | Cái | 01/02 hs cùng giới | |
| | Tủ đựng quần áo, chăn màn cho học sinh | Cái | 01/04 hs cùng giới | |
| | Cây nước nóng lạnh | Cái | 01/30 hs | |
| | Hệ thống đun nước công nghiệp | Bộ | 01/khu nội trú | |
| | Tivi | Cái | 01/phòng quản sinh | |
| | Máy giặt | Cái | 01/khu nội trú | |
| | Máy sấy | Cái | 01/khu nội trú | |
| VI | Thiết bị cho các hoạt động khác | | | |
| 1 | Các loại phần mềm quản lý, ứng dụng trong dạy và học | | | |
| | Phần mềm kế toán | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm online cơ sở dữ liệu ngành | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm Bảo hiểm xã hội | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm hóa đơn điện tử | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm tài sản công | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm các khoản thu | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm quản lý lương | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm kê khai thuế | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm dịch vụ công kho bạc | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm phổ cập | | 01/trường | |
| | Phần mềm Thiết kế bài giảng điện tử Elearning | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm chấm thi trắc nghiệm trong cơ sở giáo dục | Bộ | 01/trường | |

| TT | Tên máy móc, thiết bị | Đơn vị tính | Định mức (Số lượng tối đa) | Ghi chú |
|----------|--|-------------|----------------------------|---------|
| | Phần mềm quản lý thư viện | Bộ | 01/trường | |
| | Phần mềm học bạ số | | 01/trường | |
| 2 | Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng | | | |
| | Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục | Bộ | 01/trường | |
| | Thiết bị kiểm tra đánh giá | Bộ | 01/trường | |
| | Máy chấm trắc nghiệm | Chiếc | 01/trường | |
| | Tủ hoặc giá đựng tài liệu | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy tính để bàn | Bộ | 01/trường | |
| | Máy in | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy scan văn bản | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy in A3 | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy in màu | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy hủy tài liệu | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy ảnh | Chiếc | 01/trường | |
| | Bảng ghi lịch thi | Chiếc | 01/trường | |
| | Tủ đựng tài liệu thi | Chiếc | 01/trường | |
| | Máy ghi đĩa chuyên dụng | Chiếc | 01/trường | |
| 3 | Thiết bị khác phục vụ cho các hoạt động dạy và học | | | |
| | Bút trình chiếu | Chiếc | 01 cái/05 lớp | |
| | Máy lọc nước công cộng | Hệ thống | 01/trường | |
| | Thiết bị âm thanh ngoài trời | Bộ | 01/trường | |
| | Máy phát điện công nghiệp | Chiếc | 01/trường | |
| | Thiết bị Firewall | Bộ | 01/trường | |